

Số: 33 /2014/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất;
đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm; đơn giá thuê đất đối với phần
diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

SỞ TƯ PHÁP TỈNH SÓC TRĂNG

CÔNG VĂN BẢN

Số...../...../.....
Ngày...../...../20.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trong trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm (gồm cả trường hợp tính đơn giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Quy định đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm; đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên), đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước cho thuê đất, cho thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sóc

Trăng.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất:

1. Đất trên địa bàn thành phố Sóc Trăng (trừ đất thuộc Khu công nghiệp An Nghiệp): 2,0%.

2. Đất thuộc các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh: 1,5%.

3. Đất trên địa bàn các phường thuộc thị xã Vĩnh Châu, các phường thuộc thị xã Ngã Năm và đô thị loại V (trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này): 1,75%.

4. Đất tại các khu vực còn lại (trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này): 1,0%.

Điều 3. Đơn giá cho thuê đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất)

1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: Đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm được xác định bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng.

2. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: Đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm được xác định bằng 25% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

Điều 4. Đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (không bao gồm phần diện tích đất không có mặt nước) được xác định bằng 50% đơn giá thuê đất của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền xác định đơn giá thuê đất, xác định tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Các nội dung khác liên quan đến đơn giá thuê đất, thuê mặt nước không

quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Những trường hợp đã ký hợp đồng thuê đất và đã xác định đơn giá thuê đất đang thực hiện trong thời gian ổn định (05 năm) thì khi hết thời gian ổn định đó mới điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, NN&PTNT, CT, TP;
- Chi cục Thuế các huyện, TX, TP;
- Phòng TN&MT các huyện, TX, TP;
- Công Thông tin Điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: HC, KT. *lyg*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
M. CHỦ TỊCH



Lê Thành Lợi